

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 19-4-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lê Thi Văn;

2. Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 712/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 811/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Trương Quang T, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khu phố DLT, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD; (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khu phố DLT, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD.

Người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Ông Trương Quang T, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khu phố DLT, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 22 tháng 6 năm 2021) (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1971; địa chỉ: Khu phố DLĐ, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trương Quang T và cũng là đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Giữa vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh H có mối quan hệ quen biết nhau.

Ngày 26/6/2018 âm lịch, ông Nguyễn Thanh H có vay của vợ chồng ông T, bà N số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay tiền ông H có viết giấy và thỏa thuận không có thời hạn và không có lãi suất. Đầu năm 2020, vợ chồng ông T nhiều lần gặp ông H để yêu cầu trả số tiền đã vay, nhưng đến nay ông H không trả cho vợ chồng ông T khoản tiền nào.

Do đó, vợ chồng ông T, bà N yêu cầu ông H trả dứt điểm số tiền 100.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H xác định: Từ trước đến nay, ông H không có vay, mượn tiền của vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N. Nhưng ông H xác định giấy mượn tiền lập ngày 26/6/2018 âm lịch mà ông Trương Quang T đã cung cấp cho Tòa án có nội dung “Tôi tên: Nguyễn Thanh H, thôn DLĐ, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BĐ. Tôi có mượn của vợ chồng Quang T tại thị trấn BD, PM số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và hẹn lúc nào cần tôi sẽ gọi lại hoàn toàn số tiền đã mượn, nếu có gì trở ngại tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật” là chữ viết, chữ ký dưới mục người mượn là của ông Nguyễn Thanh H. Việc ông H viết, ký giấy mượn tiền này là hoàn toàn tự nguyện, không có ai bị ép buộc.

Ông Nguyễn Thanh H cho rằng không có mượn tiền của vợ chồng ông T, bà N. Do đó, ông Nguyễn Thanh H không chấp nhận trả số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà N.

Tại phiên tòa ông Trương Quang T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu trên. Ông Nguyễn Thanh H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng dân sự” và bị đơn cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T và bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả dứt điểm cho vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông Nguyễn Thanh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và người bị kiện cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các lời khai của ông Trương Quang T và ông Nguyễn Thanh H cùng với tài liệu, chứng cứ là giấy mượn tiền lập ngày 26/6/2018 âm lịch mà ông Trương Quang T đã cung cấp, có cơ sở xác định:

Giữa vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh H có mối quan hệ quen biết nhau và là người ở cùng địa phương.

Ngày 26/6/2018 âm lịch, ông Nguyễn Thanh H có vay của vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng ông T, bà N nhiều lần gặp để yêu cầu ông Nguyễn Thanh H trả số nợ trên, nhưng đến nay ông H không trả cho vợ chồng ông T, bà N khoản tiền nào.

Ông Nguyễn Thanh H thì cho rằng từ trước đến nay không có vay hoặc mượn tiền của vợ chồng ông T, bà N. Do đó, yêu cầu của ông T, bà N thì ông H không đồng ý.

Ông Nguyễn Thanh H thừa nhận: Giấy mượn tiền lập ngày 26/6/2018 âm lịch mà ông Trương Quang T đã cung cấp cho Tòa án có nội dung “Tôi tên: Nguyễn Thanh H, thôn DLĐ, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD. Tôi có mượn của vợ chồng Quang T tại thị trấn BD, PM số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và hẹn lúc nào cần tôi sẽ gởi lại hoàn toàn số tiền đã mượn, nếu có gì trở ngại tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật” là chữ viết, chữ ký dưới mục người mượn là của ông Nguyễn Thanh H. Việc ông Nguyễn Thanh H viết, ký giấy mượn tiền này là hoàn toàn tự nguyện, không có ai bị ép buộc. Nhưng ông H không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc không nợ tiền của vợ chồng ông T, bà N, nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H nhiều lần vắng mặt; tại phiên tòa ông H vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 26/6/2018 âm lịch, ông Nguyễn Thanh H có vay của vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng đến nay chưa trả.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của ông Trương Quang T, Nguyễn Thị N: Ông T, bà N yêu cầu ông Nguyễn Thanh H trả dứt điểm số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

[3] Về tính lãi suất: Ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh H trả dứt điểm cho ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng (*số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5.000.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Quang T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA-2021/0008455 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP-HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng